

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **422/2019/DS-ST**

Ngày 30/11/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh

Bà Phan Thị Quý

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không có

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Tuyết H, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: 23/11 ĐBL, P, Tp MT, TG

2. Bị đơn: Phạm Thị Ch, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện CT, TG

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Văn X, sinh năm 1964 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp H, xã D, huyện CT, TG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Tuyết H trình bày:

Do qua mối quan hệ với người bạn của bà Ch nên chị có cho bà Ch vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 23/01/2018, bà Ch có làm giấy mượn tiền cho chị

và có giao cho chị giữ bản chính giấy đất của chồng bà Ch là ông Trần Văn X, bản sao giấy chứng minh nhân dân của bà và sổ hộ khẩu gia đình. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 30%/tháng và bà Ch nói là chỉ vay trong thời hạn 01 tháng. Sau khi nhận tiền thì hết tháng chị có lên gặp bà Ch để hỏi việc trả tiền lãi và vốn nhưng bà Ch hẹn 25/01/2018 sẽ trả, đến hẹn chị đến thì bà Ch hẹn vài ngày nữa, sau đó tiếp tục hẹn đến 30/4/2018 sẽ trả vốn và lãi cho chị đầy đủ nhưng đến hạn chị đến nhà mà không gặp được, nhiều lần như vậy nên chị có gởi đơn nhờ Ủy ban nhân dân xã Dưỡng Diêm (UBND xã) giải quyết nhưng bà Ch ông X cũng không đến nên UBND xã không có lập biên bản, sau đó chị khởi kiện đến Tòa án.

Nay, chị H khởi kiện yêu cầu bà Ch và ông X cùng trả số tiền vốn là 40.000.000 đồng, yêu cầu trả mức lãi 0,75%/tháng tính từ tháng 2/2018 đến ngày xét xử, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Khi trả tiền xong chị sẽ trả giấy đất tên ông Trần Văn X cho bà Ch.

Bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X được niêm yết hợp lệ về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết H.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X được triệu tập tham dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ch và ông X.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Chị Lê Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X trả số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 02/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,75%/tháng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị Tuyết H có cung cấp giấy biên nhận nợ ngày 23/01/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi các tài liệu, chứng cứ do chị H cung cấp cho bà Ch và ông X nhưng cho đến nay bà Ch và ông X vẫn không có văn bản nêu ý kiến hay phản đối các tài liệu do chị H cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

Xét các tài liệu, chứng cứ của chị Lê Thị Tuyết H thì thấy rằng giấy mượn tiền ngày 23/01/2018 thể hiện việc bà Phạm Thị Ch có vay của chị Lê Thị Tuyết H số tiền 40.000.000 đồng, lãi trả hàng tháng (không thể hiện rõ mức lãi suất), không thể hiện thời hạn vay nhưng bà Ch có đưa cho chị H giữ bản chính giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của ông Trần Văn X, bản sao giấy chứng minh nhân dân của bà cùng sổ hộ khẩu gia đình và thỏa thuận khi nào trả đủ tiền thì chị H trả lại giấy đất.

Bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết H nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà Ch có vay tiền và chưa trả tiền vốn cho chị H.

Theo chị H, giấy mượn tiền do bà Ch viết và ký ghi họ tên, không có ông X ký tên nhưng việc bà Ch đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông X cho chị giữ là thể hiện vợ chồng cùng vay, vì vậy chị yêu cầu cả hai cùng trả tiền cho chị.

Xét, theo các tài liệu chứng cứ do chị H cung cấp thì có giấy đất mang tên ông Trần Văn X và sổ hộ khẩu gia đình bà Ch thể hiện ông X là chồng bà Ch. Như vậy việc bà Ch làm giấy mượn tiền, đưa giấy đất tên ông X cho chị H giữ và đến nay ông X cũng không có ý kiến gì về việc này, điều này chứng minh ông X có biết và đồng ý với ý chí của bà Ch, do đó đã đủ cơ sở để xác định việc vay tiền là của chung vợ chồng, vì vậy yêu cầu bà Ch và ông X cùng trả tiền của chị H là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi, xét thấy giấy biên nhận mượn nợ không có ghi rõ về mức lãi suất, chị H cho rằng có thỏa thuận miệng là 30%/tháng, trong giấy mượn tiền cũng thể hiện việc trả lãi hàng tháng, do đó Hội đồng xét xử xác định là vay có lãi và như vậy người vay phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Theo chị H, có thỏa thuận mức lãi suất nhưng bà Ch cũng chưa trả cho chị được số tiền lãi nào, nay chị chỉ yêu cầu bà Ch và ông X trả tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ tháng 02/2018 đến ngày xét xử. Xét, yêu cầu này của chị H là có lợi cho bà Ch và ông X và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2019 là 22 tháng, nên tiền lãi được tính như sau: $40.000.000\text{đ} \times 0,75\% \times 22\text{th} = 6.600.000\text{đồng}$.

Như vậy tổng cộng tiền vốn và lãi là 46.600.000đồng

Về thời hạn trả, chị H yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với giấy đất mang tên ông Trần Văn X, chị H đồng ý trả lại ngay sau khi bà Ch và ông X trả xong tiền cho chị nên cần ghi nhận.

[3] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466; khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Tuyết H.

1. Buộc bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Tuyết H số tiền 46.600.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng). Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận chị Lê Thị Tuyết H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn X được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/10/1996, số vào sổ 000752 QSDĐ/ĐĐ sau khi bà Ch và ông X trả tiền xong cho chị.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà Ch, ông X chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.330.000 đồng.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Tuyết H số tiền tạm ứng án phí 1.142.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 01256 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tuyết H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Ch và ông Trần Văn X có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bảnh